

Số: 2933/TM-NĐSD

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2026

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

Kiểm chứng độ tin cậy (Ra) của hệ thống truyền số liệu khí thải, nước thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Bắc Ninh và kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc nước thải, khí thải năm 2027 – Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV đang có nhu cầu thuê nhà cung cấp có đủ năng lực thực hiện gói cung cấp: Kiểm chứng độ tin cậy (Ra) của hệ thống truyền số liệu khí thải, nước thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Bắc Ninh và kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc nước thải, khí thải năm 2027;

Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV kính mời các nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá dịch vụ trên với nội dung như sau:

1. Giới thiệu gói thầu

1.1. Tên hạng mục công việc cần thực hiện: Kiểm chứng độ tin cậy (Ra) của hệ thống truyền số liệu khí thải, nước thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Bắc Ninh và kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc nước thải, khí thải năm 2027

1.2. Nội dung thực hiện:

- Kiểm chứng độ tin cậy (Ra) của hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải, nước thải từ Công ty đến hệ thống tiếp nhận dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Bắc Ninh theo quy định hiện hành.
- Kiểm định định kỳ hệ thống trạm khí thải, nước thải của Công ty theo quy định.
- Nội dung và khối lượng công việc chi tiết thực hiện theo Phụ lục kèm theo.

2. Các yêu cầu về năng lực của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kèm theo ngành nghề kinh doanh phù hợp với công việc báo giá hoặc cung cấp Hồ sơ năng lực để chứng minh năng lực cung cấp của mình. Hồ sơ bao gồm các nội dung chính:

1. Năng lực pháp lý:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kèm theo các ngành nghề kinh doanh.

2. Năng lực tài chính: Nộp báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc kèm một trong các tài liệu: Biên bản kiểm tra quyết toán thuế, Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà nước; Bản xác nhận đã kê khai thuế điện tử và chứng từ thanh toán thuế

3. Năng lực kinh nghiệm:



- Năng lực tổ chức
- Năng lực nhân sự, máy móc
- Quy mô, mạng lưới khách hàng
- Các hợp đồng tương tự đã thực hiện

3. Các yêu cầu về thương mại

- Bản báo giá phải ghi rõ nội dung công việc, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, tổng giá trị dịch vụ chưa có thuế và đã có thuế GTGT.

- Địa điểm thực hiện: Tại Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV, địa chỉ: Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, thành phố Bắc Ninh.

- Nhà cung cấp đề xuất thời gian, tiến độ thực hiện, hiệu lực báo giá và các điều kiện thương mại khác

- Giá báo giá phải được tính toán đầy đủ các chi phí liên quan bao gồm cả yêu tố trượt giá và chi phí khác

4. Hình thức báo giá:

Trước khi gửi bản chào giá, nhà cung có thể tham gia khảo sát thực tế tại Nhà máy hoặc tham khảo 672/ĐN-KTAT ngày 09/9/2026.

- Bản báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ:

+ Phòng Tổ chức – Hành chính (Bộ phận Văn thư) Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV, thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, thành phố Bắc Ninh.

Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: Sondongvpct@gmail.com.

+ Mọi thông tin trao đổi xin vui lòng liên hệ: Số điện thoại: 0963.713.352

- Thời gian nhận bản báo giá: Không chậm hơn 15 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 10 năm 2026 (trong giờ làm việc hành chính).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Giám đốc (b/c);
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải);
- Email: bachbx@vinacominpowers.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KHĐTVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hồng Chuyên

PHỤ LỤC I: KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN QUAN TRẮC ĐỐI CHỨNG (Ra) HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

1. Khối lượng thực hiện quan trắc đối chứng (Ra) hệ thống giám sát nước thải tự động, liên tục.

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thiết bị đo pH	Mẫu	06	
2	Thiết bị đo TSS	Mẫu	06	
3	Thiết bị đo COD	Mẫu	06	
4	Thiết bị đo Amoni	Mẫu	06	
5	Thiết bị đo nhiệt độ	Mẫu	06	
6	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra kênh hở	Mẫu	06	
7	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào	Mẫu	06	
8	Thiết bị đo lưu lượng nước thô đầu vào	Mẫu	12	HT gồm 02 thiết bị đo lưu lượng nước thô

2. Khối lượng thực hiện quan trắc đối chứng hệ thống giám sát khí thải tự động, liên tục (CEMS) tổ máy số 1, số 2.

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Tổng số lượng cho 2 tổ máy	Ghi chú
1	SO ₂	Mẫu	06	18	
2	NO _x	Mẫu	06	18	
3	CO	Mẫu	06	18	
4	Nhiệt độ	Mẫu	06	18	
5	Lưu lượng	Mẫu	06	18	
6	Bụi tổng	Mẫu	06	18	
7	O ₂	Mẫu	06	18	
8	Áp suất	Mẫu	06	18	

PHỤC LỤC II: KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

1. Khối lượng thực hiện kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc nước thải.

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Nhãn hiệu
1	Thiết bị đo pH	01	Lần	WEKOTEC
2	Thiết bị đo TSS	01	Lần	WEKOTEC
3	Thiết bị đo COD	01	Lần	WEKOTEC
4	Thiết bị đo Amoni	01	Lần	WEKOTEC
5	Thiết bị đo nhiệt độ	01	Lần	Sensolyt 700IQ
6	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra kênh hở	01	Lần	PULSAR
7	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào	01	Lần	MAG 5100 W
8	Thiết bị đo lưu lượng nước thô đầu vào	02	Lần	TTFM 6.1

2. Khối lượng thực hiện kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc khí thải (CEMS) tổ máy số 1, số 2.

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Nhãn hiệu
1	Thiết bị đo SO ₂	03	Lần	Fpi
2	Thiết bị đo NO _x	03	Lần	Fpi
3	CO	03	Lần	Fpi
4	Thiết bị đo nồng độ bụi	03	Lần	DXR
5	Thiết bị đo lưu lượng khói thoát	03	Lần	CODEL - VCEM5100
6	Thiết bị đo Oxy	03	Lần	Fpi
7	Thiết bị đo nhiệt độ	03	Lần	Pt100
8	Áp suất	03	Lần	

Số: 672 /ĐN-KTAT

Bắc Ninh, ngày 9 tháng 9 năm 2026

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: Thuê đơn vị ngoài thực hiện kiểm chứng độ tin cậy (Ra) của hệ thống truyền số liệu khí thải, nước thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh và kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc nước thải, khí thải năm 2027.

Kính gửi: Ông Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV

Căn cứ thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Căn cứ công văn số 3562/ĐLTKV-AT ngày 08/12/2025 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc đảm bảo thông số phát thải, xả thải và quan trắc môi trường tự động.

Căn cứ công văn số 2693/SNNMT-QLMT ngày 09/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh về việc yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định.

Căn cứ Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BKHCN ngày 03/7/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ hợp nhất các thông tư quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2027.

Để thực hiện lấy mẫu đối chứng hệ thống giám sát khí thải, nước thải và kiểm định định kỳ hệ thống giám sát khí thải, nước thải theo đúng quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kỹ thuật - An toàn kính đề nghị Ông phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV duyệt cho mời đơn vị có đủ chức năng đến để thực hiện quan trắc đối chứng hệ thống giám sát khí thải, nước thải và kiểm định định kỳ hệ thống giám sát khí thải, nước thải thời gian thực hiện cụ thể như sau:

- Thực hiện quan trắc đối chứng hệ thống giám sát khí thải, nước thải tự động, liên tục (*khối lượng thực hiện theo phụ lục I đính kèm*).

- Thực hiện kiểm định định kỳ hệ thống giám sát khí thải, nước thải tự động, liên tục (*khối lượng thực hiện theo phụ lục II đính kèm*).

- Thời gian thực hiện tháng 3, tháng 4/2027.

Phòng kính đề ông phó Giám đốc xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

P. GIÁM ĐỐC DUYỆT



PHÒNG KT-AT



NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Chung

Phạm Việt Hưng

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc (b/c);
- Phòng KH-ĐT-VT (t/h);
- PXVH, Tổ T.ca (p/h);
- Lưu: KTAT.

(Phụ lục kèm theo Đề nghị số: 672 /ĐN-KTAT ngày 9 tháng 9 năm 2027)

**PHỤ LỤC I: KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN QUAN TRẮC ĐỐI CHỨNG
HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI.**

1. Khối lượng thực hiện quan trắc đối chứng (Ra) hệ thống giám sát nước thải tự động, liên tục.

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thiết bị đo pH	Mẫu	06	
2	Thiết bị đo TSS	Mẫu	06	
3	Thiết bị đo COD	Mẫu	06	
4	Thiết bị đo Amoni	Mẫu	06	
5	Thiết bị đo nhiệt độ	Mẫu	06	
6	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra kênh hở	Mẫu	06	
7	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào	Mẫu	06	
8	Thiết bị đo lưu lượng nước thô đầu vào	Mẫu	12	HT gồm 02 thiết bị đo lưu lượng nước thô

2. Khối lượng thực hiện quan trắc đối chứng hệ thống giám sát khí thải tự động, liên tục (CEMS) tổ máy số 1, số 2.

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Tổng số lượng cho 2 tổ máy	Ghi chú
1	SO ₂	Mẫu	06	18	
2	NO _x	Mẫu	06	18	
3	CO	Mẫu	06	18	
4	Nhiệt độ	Mẫu	06	18	
5	Lưu lượng	Mẫu	06	18	
6	Bụi tổng	Mẫu	06	18	
7	O ₂	Mẫu	06	18	
8	Áp suất	Mẫu	06	18	

PHỤC LỤC II: KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

1. Khối lượng thực hiện kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc nước thải.

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Nhãn hiệu
1	Thiết bị đo pH	01	Lần	WEKOTEC
2	Thiết bị đo TSS	01	Lần	WEKOTEC
3	Thiết bị đo COD	01	Lần	WEKOTEC
4	Thiết bị đo Amoni	01	Lần	WEKOTEC
5	Thiết bị đo nhiệt độ	01	Lần	Sensolyt 700IQ
6	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra kênh hở	01	Lần	PULSAR
7	Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào	01	Lần	MAG 5100 W
8	Thiết bị đo lưu lượng nước thô đầu vào	02	Lần	TTFM 6.1

2. Khối lượng thực hiện kiểm định định kỳ hệ thống quan trắc khí thải (CEMS) tổ máy số 1, số 2.

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Nhãn hiệu
1	Thiết bị đo SO ₂	03	Lần	Fpi
2	Thiết bị đo NO _x	03	Lần	Fpi
3	CO	03	Lần	Fpi
4	Thiết bị đo nồng độ bụi	03	Lần	DXR
5	Thiết bị đo lưu lượng khói thoát	03	Lần	CODEL - VCEM5100
6	Thiết bị đo Oxy	03	Lần	Fpi
7	Thiết bị đo nhiệt độ	03	Lần	Pt100
8	Áp suất	03	Lần	